

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẠ HÒA  
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 20/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 27-5-2021

*V/v Tranh chấp chia tài sản  
chung sau khi ly hôn.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lạc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Chu Thị Ngọc Lan

2. Ông Trần Trung Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Duyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957 ( Có mặt )

2- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955 ( Vắng mặt )

Địa chỉ: Khu 5 xã B, huyện H, tỉnh Phú thọ

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1983 - Khu 1 xã X - huyện H - Phú thọ ( Vắng mặt )
- Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1984 - L - T - TP Hà Nội ( Vắng mặt )
- Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 - Tổ 35 phường T, quận H, TP Hà Nội ( Vắng mặt )

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 239/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2019 của TAND huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú thọ. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa bà và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tuy nhiên, sau khi ly hôn, bà và ông H tranh chấp về khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, do vậy bà yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải

quyết phân chia tài sản chung tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân đối với những tài sản sau:

- Đất ở: thửa số 155, tờ bản đồ số 07, diện tích 140m<sup>2</sup>, tại khu 5 xã B, huyện H ( trước là khu 9 ) đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH 00369 ngày 04/9/2013 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X.

- Một ngôi nhà gỗ 4 gian lợp Pro xi măng + 01 bếp xây + nhà tắm, nhà vệ sinh + 01 bể nước xây tọa lạc trên diện tích đất trên.

- Đất nông nghiệp: gồm 12 thửa ruộng, diện tích 1782m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất số H00490 ngày 26/12/1998 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H. Hiện nay có 6 thửa ruộng Nhà nước thu hồi và đã được đền bù, còn lại 06 thửa ruộng gồm:

- Tờ bản đồ số 5, thửa số 24-2 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 63-7 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 131m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 77-3 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 174m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 1-182 tại Dộc Phú Hòa, diện tích 60m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 86-14 tại Bờ đập Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( lúa )
- Tờ bản đồ số 8, thửa số 61-5 tại Đồng Bàu, diện tích 434m<sup>2</sup> ( đất ruộng màu )

Ngoài ra không còn tài sản nào khác.

- Tài sản cho vay: Bà thừa nhận năm 2016 cho chị Sơn Nhẫn ở xã V, huyện H vay 10 triệu đồng, năm 2017 có cho chị Luyện P ở khu 5 xã B, huyện H vay 20 triệu đồng, chị Loan T ở khu 5 xã B, huyện H vay 05 triệu đồng, gửi cháu L số tiền 28 triệu đồng để làm sổ tiết kiệm tại ngân hàng..... Tổng số tiền là 63 triệu đồng. Số tiền trên là do bà tích cóp được trong thời gian đi làm thuê ở Hà Nội, ông H không có đóng góp gì. Số tiền này bà đã lấy của mọi người để chi tiêu chung cho gia đình, cho cháu ngoại đi mổ mắt, mua xe, tiền học cho cháu, chữa mắt cho bà ...số tiền trên hiện nay bà đã chi tiêu hết.

Quan điểm giải quyết: Bà xin được sử dụng 1/2 diện tích đất thổ cư = 70m<sup>2</sup>.

Đất ruộng: Bà xin sử dụng 2 thửa ruộng: thửa số 24-2 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( đất lúa ) và thửa số 63-7 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 131m<sup>2</sup> ( đất lúa ).

Số tiền 63.000.000đ trên bà nhất trí nhập vào khối tài sản chung để giải quyết.

Ông bà không vay của ai cái gì.

Bản tự khai ngày 03/4/2021, tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, ông Nguyễn Văn H là bị đơn trình bày và xác định:

Ông nhất trí khối tài sản chung được tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân với bà X gồm:

- Đất ở: thửa số 155, tờ bản đồ số 07, diện tích 140m<sup>2</sup>, tại khu 5 xã B, huyện Hạ Hòa ( trước là khu 9 ) đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH 00369 ngày 04/9/2013 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X.

- Một ngôi nhà gỗ 4 gian lợp Pro xi măng + 01 bếp xây + nhà tắm, nhà vệ sinh + 01 bể nước xây tọa lạc trên diện tích đất trên.

- Đất nông nghiệp: gồm có 12 thửa, diện tích 1782m<sup>2</sup> đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất số H00490 ngày 26/12/1998 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H. Hiện nay có 6 thửa ruộng Nhà nước thu hồi và đã được đền bù, còn lại 06 thửa ruộng gồm:

- Tờ bản đồ số 5, thửa số 24-2 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 63-7 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 131m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 77-3 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 174m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 1-182 tại Dộc Phú Hòa, diện tích 60m<sup>2</sup> ( đất lúa )
- Tờ bản đồ số 5, thửa số 86-14 tại Bờ đập Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( lúa )
- Tờ bản đồ số 8, thửa số 61-5 tại Đồng Bàu, diện tích 434m<sup>2</sup> ( đất ruộng màu ).

Trong năm 2016,2017 bà X có cho vay và gửi ngân hàng số tiền khoảng hơn 60 triệu đồng. Số tiền này bà X đã lấy hết, không cho ông biết và ông không được sử dụng.

Ngoài ra, 8 năm nay bà X đi làm thuê, không đưa cho ông khoản tiền nào. Ông H yêu cầu bà X phải chia số tiền bà đi làm thuê cho ông là 450.000.000đ thì ông đồng ý chia ½ đất thổ cư.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu H, chị Nguyễn Bích H và anh Nguyễn Văn H là các con chung của ông H, bà X xác định mỗi người đều có suất ruộng trong tổng diện tích đất ruộng đang giải quyết. Các anh chị không xin sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng điều 59, điều 62 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, khoản 2 điều 165, điều 166, điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS; điều 357,468 – BLDS; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đòi bà Nguyễn thị X số tiền 450.000.000đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với ông Nguyễn Văn H.

1- Giao bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- 70m<sup>2</sup> đất tại thửa số 155-1, tờ bản đồ số 07 tại khu 5 xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ theo chỉ giới 1,2,6,5,1 và có sổ đo các cạnh cụ thể:

- + Cạnh phía trước giáp đường đê Đồng Bàu có số đo 3,5m
- + Cạnh bên phải giáp nhà chị Nguyễn Thị S có số đo 20m
- + Cạnh bên trái giáp đất chia cho ông H có số đo 20m

+ Cạnh phía sau có số đo 3,5m  
Trị giá = 450.000.000đ  
( Có trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo).  
- 01 ngôi nhà gỗ 4 gian lợp Pro xi măng , trị giá 15.000.000đ  
- 01 bếp xây + 01 nhà tắm + 01 nhà vệ sinh, trị giá = 10.000.000đ  
- Đất ruộng:  
+Tờ bản đồ số 5, thửa số 24-2 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( đất lúa ),  
trị giá: 9.522.000đ  
+Tờ bản đồ số 5, thửa số 63-7 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 131m<sup>2</sup> ( đất lúa ),  
trị giá 6.026.000đ  
Và 63.000.000đ tiền mặt cho vay.

**Tổng giá trị tài sản bà X được chia là 553.548.000đ**

Bà X phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông H số tiền là : **34.530.000đ**  
2- Giao ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau:  
- 70m<sup>2</sup> đất tại thửa số 155-2, tờ bản đồ số 07 tại khu 5 xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ theo chỉ giới 3,4,5,6,3 và có số đo các cạnh cụ thể:

+ Cạnh phía trước giáp đường đê Đồng Bàu có số đo 3,5m  
+ Cạnh bên phải giáp đất chia cho bà X có số đo 20m  
+ Cạnh bên trái giáp đất bà Tạ Thị T có số đo 20m  
+ Cạnh phía sau có số đo 3,5m  
Trị giá = 450.000.000đ  
( Có trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo).  
- 01 bể nước xây nằm trên phần đất chia cho ông H, trị giá = 1.000.000đ  
- Đất ruộng:  
+Tờ bản đồ số 5, thửa số 77-3 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 174m<sup>2</sup> ( đất lúa )  
trị giá: 8.004.000đ  
+Tờ bản đồ số 5, thửa số 1-182 tại Dộc Phú Hòa, diện tích 60m<sup>2</sup> ( đất lúa )  
trị giá: 2.760.000đ  
+Tờ bản đồ số 5, thửa số 86-14 tại Bờ đập Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( lúa )  
trị giá: 2.760.000đ  
+Tờ bản đồ số 8, thửa số 61-5 tại Đồng Bàu, diện tích 434m<sup>2</sup> ( đất ruộng màu ),trị giá: 19.964.000đ

Tổng giá trị tài sản ông H được chia là: 484.488.000đ

**Ông H được nhận số tiền 34.530.000đ do bà X thanh toán.**

**Tổng cộng giá trị tài sản ông H được hưởng là 519.018.000đ**

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

3-Về án phí DSST: Bà X, ông H thuộc trường hợp người cao tuổi, đề nghị miễn toàn bộ án phí DSST.

4-Về chi phí tố tụng: Bà X và ông H mỗi người phải chịu ½ tổng số tiền đã chi phí thẩm định và định giá tài sản.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Do bà X và ông H không thống nhất được phân chia tài sản chung sau khi ly hôn nên bà X có đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28 – BLTTDS. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông H là bị đơn cố tình vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 điều 207 của BLTTDS. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về nội dung: Bà X và ông H thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông bà đã tạo dựng được khối tài sản chung và nhất trí với kết quả định giá, cụ thể như sau:

- Đất ở: thửa số 155, tờ bản đồ số 07, diện tích 140m<sup>2</sup>, tại khu 5 xã B, huyện H ( trước là khu 9 ) đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH 00369 ngày 04/9/2013 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn thị X, trị giá 900.000.000đ ( Chín trăm triệu đồng )

- 01 ngôi nhà gỗ 4 gian lợp Pro xi măng, trị giá 15.000.000đ

- 01 nhà bếp xây + 01 nhà vệ sinh + 01 nhà tắm, trị giá 10.000.000đ

- 01 bể nước xây, trị giá: 1.000.000đ

- Đất nông nghiệp: 06 thửa ruộng gồm:

- +Tờ bản đồ số 5, thửa số 24-2 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( đất lúa ), trị giá: 9.522.000đ

- +Tờ bản đồ số 5, thửa số 63-7 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 131m<sup>2</sup> ( đất lúa ), trị giá 6.026.000đ

- +Tờ bản đồ số 5, thửa số 77-3 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 174m<sup>2</sup> ( đất lúa ) trị giá: 8.004.000đ

- +Tờ bản đồ số 5, thửa số 1-182 tại Dộc Phú Hòa, diện tích 60m<sup>2</sup> ( đất lúa ) trị giá: 2.760.000đ

- +Tờ bản đồ số 5, thửa số 86-14 tại Bờ đập Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( lúa ) trị giá: 2.760.000đ

- +Tờ bản đồ số 8, thửa số 61-5 tại Đồng Bàu, diện tích 434m<sup>2</sup> ( đất ruộng màu ), trị giá: 19.964.000đ

**Tổng cộng tài sản trị giá = 975.036.000đ**

Ngoài ra ông H còn xuất trình 1 sổ khoản cho vay, cụ thể là năm 2016 cho chị S ở xã V vay 10 triệu đồng, năm 2017 có cho chị Luyến P ở khu 5 xã B vay 20 triệu đồng, chị Loan T ở khu 5 xã B vay 05 triệu đồng, bà X gửi ngân hàng 28 triệu đồng. Tổng số tiền là 63 triệu đồng. Bà X công nhận có cho 1 sổ hộ dân đã kê khai trên vay tiền và có gửi 1 khoản tiền tại ngân hàng. Tuy nhiên bà X đã lấy và rút tiền ngân hàng về để chi tiêu trong gia đình và chữa bệnh.....Bà xác định số tiền trên có được là do bà đi làm thuê tiết kiệm được, hiện số tiền này đã chi

tiêu hết. Bà đồng ý số tiền trên là tài sản chung để giải quyết.

Ngoài ra, ông H còn trình bày việc bà X đi làm thuê xa nhà 8 năm, ông không biết một đồng lương nào của bà. Ông chỉ biết bà X có nói với mọi người là đi làm một tháng được 8 triệu đồng. Ông yêu cầu bà X phải chia cho ông số tiền là 450.000.000đ thì ông đồng ý chia  $\frac{1}{2}$  diện tích đất thổ cư.

HDXX xét thấy:

\*Về đất thổ cư + nhà ở : Diện tích đất thổ cư hiện nay ông H, bà X đang sử dụng có nguồn gốc xuất phát từ việc tránh ngập lụt, UBND tỉnh quyết định di dời các hộ dân ở làng Thao Hà, xã B, huyện Hạ Hòa lên trên đê có mặt bằng cao hơn. Hộ ông H, bà X được sử dụng 140m<sup>2</sup> đất làm nhà ở và đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất ( năm 2013) đứng tên ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X. Hiện có một ngôi nhà gỗ 4 gian lợp Pro xi măng + 01 bếp + công trình phụ tọa lạc trên thửa đất. Bà X và ông H đều xác định đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Bà X yêu cầu được chia  $\frac{1}{2}$  diện tích đất. Xét thấy yêu cầu của bà X là chính đáng và thực tế diện tích đất trên nếu chia đôi thì vẫn đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng theo quy hoạch. Tuy nhiên phải xem xét đến ngôi nhà gỗ bởi lẽ ngôi nhà nằm dọc theo chiều dài của thửa đất, nếu chia đất sẽ phải cắt dọc ngôi nhà nên không sử dụng được. Do vậy cần giao toàn bộ ngôi nhà + bếp + công trình phụ nằm trên phần đất chia cho bà X. Giao một bể nước xây cho ông H nằm trên phần đất chia cho ông H. Cụ thể:

- Giao bà X 01 ngôi nhà gỗ 4 gian lợp Pro xi măng + 01 bếp + 01 công trình phụ gồm một phòng tắm, một phòng vệ sinh và 70m<sup>2</sup> đất tại thửa 155-1, tờ bản đồ số 07 – khu 5 xã B, huyện H có số đo các cạnh như sau:

- + Cạnh phía trước giáp đường đê Đồng Bàu có số đo 3,5m
- + Cạnh bên phải giáp nhà chị Nguyễn Thị S có số đo 20m
- + Cạnh bên trái giáp đất chia cho ông H có số đo 20m
- + Cạnh phía sau có số đo 3,5m

- Giao ông H 01 bể nước xây và 70m<sup>2</sup> đất tại thửa 155-2, tờ bản đồ số 07 – khu 5 xã B, huyện Hạ Hòa có số đo các cạnh như sau:

- + Cạnh phía trước giáp đường đê Đồng Bàu có số đo 3,5m
- + Cạnh bên phải giáp đất chia cho bà X có số đo 20m
- + Cạnh bên trái giáp đất nhà bà Tạ Thị T có số đo 20m
- + Cạnh phía sau có số đo 3,5m

- Về đất ruộng: Trong tổng diện tích đất ruộng của hộ ông Nguyễn Văn H có cả 3 suất ruộng của 3 con chung của ông bà. Tuy nhiên các anh chị không ai lấy suất ruộng của mình và thống nhất để lại cho bố mẹ. Do vậy, toàn bộ 6 thửa ruộng còn lại sẽ được phân chia cho ông H, bà X. Cụ thể, giao bà X sử dụng 2 thửa ruộng: thửa số 24-2 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( đất lúa ) và thửa số 63-7 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 131m<sup>2</sup> ( đất lúa ). Bốn thửa ruộng còn lại sẽ được giao cho ông H.

- Về số tiền cho vay: Theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình thì lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập. Bà X nhất trí số tiền 63.000.000đ là tài sản chung của bà X và

ông H trong thời kỳ hôn nhân và phải được chia. Hiện bà X đã lấy và đã sử dụng hết nên sẽ giao bà X sở hữu số tiền 63.000.000đ và phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông H.

Về tài sản vay không có.

Về việc ông H yêu cầu bà X phải chia cho ông số tiền 450.000.000đ. Xét thấy: bà X đi làm thuê, có thu nhập, hàng năm đã sử dụng chi tiêu như mua sắm đồ đạc .....và chi sinh hoạt khác trong gia đình, khi đó vợ chồng không có mâu thuẫn gì, ông H chỉ ở nhà làm nghề đan lưới đánh cá. Ông H đưa ra yêu cầu như vậy nhưng ông không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh được thu nhập một tháng của bà X là bao nhiêu, ông không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H đòi bà X số tiền 450.000.000đ.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X về chia tài sản chung sau khi ly hôn. Cần chia cho bà X và ông H mỗi người ½ diện tích đất thổ cư. Giao cho bà X 01 ngôi nhà gỗ + 01 bếp xây + 01 nhà tắm, nhà vệ sinh; 02 thửa ruộng số 24-2, thửa số 63-7 và bà X sở hữu số tiền cho vay là 63.000.000đ. Giao cho ông H 01 bể nước và 04 thửa ruộng còn lại. Bà X phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông H số tiền từ 30-40 triệu đồng là phù hợp.

Ông H được lưu cư trong thời gian 3 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí DSST: Bà X, ông H thuộc trường hợp người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, HĐXX miễn toàn bộ án phí cho bà X và ông H.

[4] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí cho việc thẩm định và định giá tài sản là 1.800.000đ. Bà X và ông H mỗi người đều phải chịu ½ chi phí thẩm định và định giá, cụ thể bà X phải chịu 900.000đ, ông H phải chịu 900.000đ. Xác nhận bà X đã nộp tạm ứng là 1.800.000đ. Buộc ông H phải hoàn trả 900.000đ cho bà X.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng điều 59, điều 62 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 207, khoản 2 điều 165, điều 166, điểm b khoản 2 điều 227 – BLTTDS; điều 357,468 – BLDS; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H đòi bà Nguyễn Thị X số tiền 450.000.000đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với ông Nguyễn Văn H.

Xử:

1- Giao bà Nguyễn Thị X được quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- 70m<sup>2</sup> đất tại thửa số 155-1, tờ bản đồ số 07 tại khu 5 xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ theo chỉ giới 1,2,6,5,1 và có số đo các cạnh cụ thể:
  - + Cạnh phía trước giáp đường đê Đồng Bàu có số đo 3,5m
  - + Cạnh bên phải giáp nhà chị Nguyễn Thị S có số đo 20m
  - + Cạnh bên trái giáp đất chia cho ông H có số đo 20m
  - + Cạnh phía sau có số đo 3,5m
 Trị giá = 450.000.000đ ( Bốn trăm năm mươi triệu đồng )  
 ( Có trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo).
- 01 ngôi nhà gỗ 4 gian lợp Pro xi măng , trị giá 15.000.000đ ( Mười lăm triệu đồng )
- 01 bếp xây + 01 nhà tắm + 01 nhà vệ sinh, trị giá = 10.000.000đ ( Mười triệu đồng )
- Đất ruộng:
  - +Tờ bản đồ số 5, thửa số 24-2 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( đất lúa ), trị giá: 9.522.000đ ( Chín triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng )
  - +Tờ bản đồ số 5, thửa số 63-7 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 131m<sup>2</sup> ( đất lúa ), trị giá 6.026.000đ ( Sáu triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng )
 Và 63.000.000đ ( Sáu mươi ba triệu đồng ) tiền mặt cho vay.
- Tổng giá trị tài sản bà X được chia là 553.548.000đ ( Năm trăm năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng)**
- Bà X phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông H số tiền là : 34.530.000đ ( Ba mươi tư triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng)
- 2- Giao ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau:
  - 70m<sup>2</sup> đất tại thửa số 155-2, tờ bản đồ số 07 tại khu 5 xã B, huyện H, tỉnh Phú Thọ theo chỉ giới 3,4,5,6,3 và có số đo các cạnh cụ thể:
    - + Cạnh phía trước giáp đường đê Đồng Bàu có số đo 3,5m
    - + Cạnh bên phải giáp đất chia cho bà X có số đo 20m
    - + Cạnh bên trái giáp đất bà Tạ Thị T có số đo 20m
    - + Cạnh phía sau có số đo 3,5m
 Trị giá = 450.000.000đ ( Bốn trăm năm mươi triệu đồng )  
 ( Có trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo).
  - 01 bể nước xây nằm trên phần đất chia cho ông H, trị giá = 1.000.000đ ( Một triệu đồng )
  - Đất ruộng:
    - +Tờ bản đồ số 5, thửa số 77-3 tại Miếu Phú Hòa, diện tích 174m<sup>2</sup> ( đất lúa ) trị giá: 8.004.000đ ( Tám triệu không trăm linh tư nghìn đồng )
    - +Tờ bản đồ số 5, thửa số 1-182 tại Dộc Phú Hòa, diện tích 60m<sup>2</sup> ( đất lúa ) trị giá: 2.760.000đ ( Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng )
    - +Tờ bản đồ số 5, thửa số 86-14 tại Bờ đập Phú Hòa, diện tích 207m<sup>2</sup> ( lúa ) trị giá: 2.760.000đ ( Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng )
    - +Tờ bản đồ số 8, thửa số 61-5 tại Đồng Bàu, diện tích 434m<sup>2</sup> ( đất ruộng màu ), trị giá: 19.964.000đ ( Mười chín triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn đồng )
 Tổng giá trị tài sản ông H được chia là: 484.488.000đ ( Bốn trăm tám mươi



tư triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng )

**Ông H được nhận số tiền 34.530.000đ ( Ba mươi tư triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng ) do bà X thanh toán.**

**Tổng cộng giá trị tài sản ông H được hưởng là 519.018.000đ ( Năm trăm mười chín triệu không trăm mười tám nghìn đồng )**

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Ông H được lưu cư trong thời gian 3 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3-Về án phí DSST: Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà X và ông H.

4-Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là 1.800.000đ. Bà X phải chịu 900.000đ ( Chín trăm nghìn đồng ), ông H phải chịu 900.000đ ( Chín trăm nghìn đồng ). Xác nhận bà X đã nộp tạm ứng chi phí là 1.800.000đ. Ông H phải thanh toán cho bà X số tiền 900.000đ ( Chín trăm nghìn đồng ).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bà X có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- CC THADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Thị Lạc**

